

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 19/2020/DS-PT  
Ngày 14-5-2020  
V/v tranh chấp về giao dịch liên  
quan đến quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Anh Sơn

*Các Thẩm phán:* Bà Đặng Hồ Điệp

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thị Hồng Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:** Ông Hà Văn Dón - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp về giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 54/2020/QĐ-PT ngày 19 tháng 03 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tạ Thị G; cư trú tại: Số X, đường A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Đình H và bà Nguyễn Thị Th; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Số 4B đường L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; địa chỉ nơi ở hiện nay: Số Y, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Quang S và bà Phạm Thị Q, cư trú tại: Số Z, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; ông Bùi Quang S có mặt đến khi nghị án, vắng mặt khi tuyên án; bà Phạm Thị Q vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Tạ Thị G là nguyên đơn.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Đặng Thị T; cư trú tại: Số I phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bà Vũ Thị H; cư trú tại: Số M khu Chung cư H, xã A, huyện A1, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trình bày và yêu cầu của nguyên đơn:* Ngày 15/11/2009, bà Tạ Thị G thỏa thuận mua của ông Phạm Đình H và bà Nguyễn Thị Th căn nhà số 56A giáp ngõ 37 và ngõ 81 đường A Phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng, diện tích  $54,99\text{m}^2$  với giá 500.000.000 đồng. Bà Tạ Thị G dùng tiền riêng của mình để mua căn nhà trên, ông Nguyễn Quốc Q là chồng bà Tạ Thị G xác nhận đây là tài sản riêng của bà Tạ Thị G. Bà Tạ Thị G biết nhà và đất trên có nguồn gốc là của ông Vũ Trọng Hải, ngày 25/4/1997, ông Vũ Trọng Hải đã chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Mãi, sau đó ông Phạm Văn Mãi đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Phạm Đình H và bà Nguyễn Thị Th. Đêm ngày 15/11/2009, bà Tạ Thị G đã tiến hành đo đạc thì diện tích thửa đất chỉ có  $33\text{m}^2$ , bị thiếu  $21,99\text{m}^2$  (làm tròn  $22\text{m}^2$ ). Giữa bà Tạ Thị G và vợ chồng ông Phạm Đình H và bà Nguyễn Thị Th đã có nhiều buổi làm việc về sự việc thiếu hụt diện tích này. Ngày 07/02/2010, do mâu thuẫn căng thẳng, Công an phường Đ đã tiến hành giải quyết mâu thuẫn vì tranh chấp của hai gia đình gây mất tự trị an và đã tiến hành lập biên bản giải quyết sự việc. Tại buổi làm việc bà Tạ Thị G và vợ chồng ông Phạm Đình H và bà Nguyễn Thị Th đều tự nguyện ký vào biên bản. Biên bản thể hiện nội dung: Ông Phạm Đình H và bà Nguyễn Thị Th chấp thuận bù  $22\text{m}^2$  đất còn thiếu bằng thửa đất nằm trong mảnh đất của ông Phạm Đình H và bà Nguyễn Thị Th giáp với đường V và ngõ 81 A hướng ra hồ A1. Đồng thời còn  $6\text{m}^2$  đất chéo méo còn lại giáp ranh ngõ 81 bà Nguyễn Thị Thanh đã đồng ý bán nốt cho bà Tạ Thị G để gạt nợ (28.000.000 đồng) bà Nguyễn Thị Thanh nói không cho chồng biết. Vị trí thửa đất bù cho bà Tạ Thị G được vẽ kèm theo Biên bản là do ông Khúc Thành Đông - Công an phường Đ lập. Khoảng sau đó 3 tháng, bà Tạ Thị G đã chuyển nhượng diện tích  $33\text{m}^2$  có nhà cho ông Bùi Quang S và bà Phạm Thị Q. Ngày 11/5/2010 mảnh đất bù  $22\text{m}^2$  và  $06\text{m}^2$  đất chéo méo (tổng là  $28\text{m}^2$ ) bà Tạ Thị G đã bán cho bà Đặng Thị T ở số 3 Lô A8 khu Đồng Tâm, phường Lạch Tray, quận N, thành phố Hải Phòng. Bà Tạ Thị G thừa nhận khi mua bán với ông Phạm Đình H và bà Nguyễn Thị Th vì thửa đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà Tạ Thị G và gia đình ông Phạm Đình H và bà Nguyễn Thị Th không ra chính quyền địa phương để thực hiện các thủ tục chuyển nhượng đất theo quy định của pháp luật. Hiện bà Tạ Thị G không còn giữ bản gốc, bà Tạ Thị G chỉ cung cấp cho Tòa án bản phô tô; Biên bản giải quyết và sơ đồ bù đất giữa gia đình ông Phạm Đình H, bà Nguyễn Thị Th và bà Tạ Thị G lập tại Công an phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng vào ngày 07/02/2010 là bản phô tô, bà Tạ Thị G không còn giữ bản gốc; Bản sơ đồ bù đất giữa gia đình ông Phạm Đình H, bà Nguyễn Thị Th

và bà Tạ Thị G lập tại Công an phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng vào ngày 07/02/2010 là bản phô tô chỉ vẽ lại vị trí thửa đất, không xác định mốc giới thửa đất.

Căn cứ vào biên bản giải quyết bù đất giữa gia đình ông Phạm Đình H, bà Nguyễn Thị Th và bà Tạ Thị G ngày 07/02/2010, nay bà Tạ Thị G yêu cầu ông Phạm Đình H, bà Nguyễn Thị Th phải trả lại cho bà Tạ Thị G diện tích đất còn thiếu là 22m<sup>2</sup>. Thửa đất nằm trong mảnh đất của ông Phạm Đình H, bà Nguyễn Thị Th giáp với đường V và ngõ 81 đường A hướng ra hồ A1, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng.

*Trình bày và đề nghị của bị đơn:* Do làm ăn khó khăn bà Nguyễn Thị Th đã vay tiền của bà Tạ Thị G để kinh doanh. Vì không thể trả được nợ cho bà Tạ Thị G nên bà Tạ Thị G đã cho xã hội đến đòi nợ và đe dọa. Để đảm bảo an toàn cho mọi người trong gia đình, vợ chồng ông Phạm Đình H, bà Nguyễn Thị Th đã bị ép dùng căn nhà số Z đường A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng để trả nợ cho bà Tạ Thị G với giá 500.000.000 đồng vào ngày 11/9/2009. Khi gán nợ, ông Phạm Đình H và bà Nguyễn Thị Th đã bàn giao toàn bộ giấy tờ nhà và đất cho bà Tạ Thị G, sau đó bà Tạ Thị G đã chuyển nhượng lại nhà cho ông Bùi Quang S và bà Phạm Thị Q và hiện nay ông Bùi Quang S và bà Phạm Thị Q đang quản lý sử dụng căn nhà này. Vợ chồng ông Phạm Đình H, bà Nguyễn Thị Th buộc phải chuyển nhượng lại nhà và đất cho bà Tạ Thị G như hiện trạng nhà và đất hiện nay mà vợ chồng ông Bùi Quang S và bà Phạm Thị Q hiện đang ở. Ông Phạm Đình H, bà Nguyễn Thị Th không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị G vì không có sự thiếu hụt diện tích đất.

*Trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông Bùi Quang S và bà Phạm Thị Q vắng mặt tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa và không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, các điều 93, 94, 95, 96, 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các điều 697, 699, 700, 701 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ vào các điều 27, 46 của Luật Đất đai 2003; Căn cứ vào khoản 3 Điều 25 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Tạ Thị G đối với ông Phạm Đình H và bà Nguyễn Thị Th về việc bù diện tích đất còn thiếu là 22m<sup>2</sup>.

2. Về án phí: Bà Tạ Thị G phải chịu 12.320.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Tạ Thị G đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 5.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014823 ngày 21/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Hải Phòng. Bà Tạ Thị G còn phải nộp 6.820.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí; tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/11/2019, bà Tạ Thị G kháng cáo bản án Tòa án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng buộc vợ chồng anh Phạm Đình Hùng phải trả lại diện tích 22m<sup>2</sup> đất như biên bản làm việc tại Công an phường Đ đã lập ngày 07/02/2010.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày việc bù đất đã được lập biên bản làm việc tại Công an phường Đ ngày 07/02/2010. Sau khi thỏa thuận bù đất nguyên đơn đã nhận đất và xây tường rào sắt xung quanh diện tích đã nhận sau đó mới bán lại cho bà Đặng Thị T, nhưng khi đó bị đơn lại ngăn cản không cho bà Đặng Thị T sử dụng đất. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn diện tích đất 22m<sup>2</sup> mà bị đơn đã thỏa thuận bù cho nguyên đơn trước đây.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị thể hiện bị đơn đã có đơn tố cáo đến cơ quan công an để điều tra khởi tố vụ án và đề nghị dừng việc xét xử để cơ quan công an làm rõ mọi việc theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Quang S trình bày: Vợ chồng ông mua nhà của bà Tạ Thị G theo giấy tờ ghi 55 m<sup>2</sup> nhưng thực tế đo là 33 m<sup>2</sup>, ông đã ở nhà này hơn chục năm nay, ông không có tranh chấp gì với các hộ xung quanh. Ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Giang, ông không tranh chấp gì với bà Tạ Thị G, ông Phạm Đình H và bà Nguyễn Thị Th.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà không chỉ rõ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đó là hợp đồng nào. Trong trường hợp này, quan hệ pháp luật tranh chấp

là tranh chấp về giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất. Giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất trong trường hợp này chính là thỏa thuận về việc ông Phạm Đình H và bà Nguyễn Thị Th bù cho bà Tạ Thị G 22m<sup>2</sup> đất theo biên bản do Công an phường Đ lập ngày 07/02/2010. Bị đơn có nơi cư trú tại quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nên căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Về xác định người tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Quốc Q là chồng bà Tạ Thị G xác nhận việc mua bán căn nhà số 56A giáp ngõ 37 và ngõ 81 đường A Phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng là tài sản riêng của bà Tạ Thị G, ông Nguyễn Quốc Q không chứng kiến, không tham gia, kể cả khi diện tích nhà thiếu cho đến khi được bù thêm và việc bà Tạ Thị G bán cho người khác. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Nguyễn Quốc Q vào tham gia tố tụng là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn: Ngày 15/11/2009, bà Tạ Thị G đã thỏa thuận mua của ông Phạm Đình H và bà Nguyễn Thị Th căn nhà số 56A giáp ngõ 37 và ngõ 81 đường A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng diện tích 54,99m<sup>2</sup> với giá 500.000.000 đồng. Trong đêm ngày 15/11/2009, bà Tạ Thị G đã đo đạc lại thì diện tích đất chỉ có 33 m<sup>2</sup>, bị thiếu là 21,99m<sup>2</sup> (làm tròn 22 m<sup>2</sup>) mới đủ 55,99m<sup>2</sup> như thỏa thuận mua bán. Sau đó, giữa bà Tạ Thị G và vợ chồng ông Phạm Đình H và bà Nguyễn Thị Th đã có nhiều buổi làm việc về sự việc thiếu đất gây mất tự trị an nên ngày 07/02/2010, Công an phường Đ giải quyết mâu thuẫn của hai gia đình và đã tiến hành lập biên bản giải quyết sự việc. Bà Tạ Thị G và vợ chồng ông Phạm Đình H và bà Nguyễn Thị Th đều ký vào biên bản. Biên bản thể hiện nội dung ông Phạm Đình H và bà Nguyễn Thị Th chấp thuận bù lại 22m<sup>2</sup> đất còn thiếu bằng thửa đất nằm trong mảnh đất của ông Phạm Đình H và bà Nguyễn Thị Th giáp với đường V và ngõ 81 A hướng ra hồ A1. Ông Phạm Đình H và bà Nguyễn Thị Th cho rằng việc ký biên bản là do bị ép buộc. Ngày 11/5/2010 bà Tạ Thị G đã bán mảnh đất bù lại cho bà Đặng Thị Thủy và ông Nguyễn Minh Phong với giá 420.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc mua bán này đã bị Tòa án tuyên bố hủy bỏ theo Bản án số 14/2018/DS-PT ngày 29/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Bà Tạ Thị G không tranh chấp và không đề nghị giải quyết về việc chuyển nhượng diện tích nhà đất 54,99m<sup>2</sup> và diện tích nhà đất 33m<sup>2</sup>, vì diện tích nhà đất 33m<sup>2</sup> bà Tạ Thị G đã bán cho ông Bùi Quang S và bà Phạm Thị Q xong. Nguyên đơn cũng không đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp giao dịch bù đất, hậu quả của giao dịch bù đất nếu giao dịch vô hiệu, mà nguyên đơn cho rằng giao dịch bù đất đã hoàn thành và nguyên đơn đã nhận đất và xây tường rào sắt xung quanh diện tích đã nhận nhưng sau đó bị đơn lại ngăn cản không trả đất cho nguyên đơn. Vì vậy, diện tích đất 22m<sup>2</sup> mà bị đơn bù đã thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn 22 m<sup>2</sup> đất bị thiếu

theo biên bản làm việc do Cơ quan công an lập . Chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra làm căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên bản giải quyết bù đất giữa gia đình ông Phạm Đình H, bà Nguyễn Thị Th và bà Giang ngày 07/02/2010 xuất phát từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước đây. Thửa đất 22m<sup>2</sup> này hiện nay nằm trong mảnh đất của ông Phạm Đình H và bà Nguyễn Thị Th đang quản lý giáp với đường V và ngõ 81 đường A hướng ra hồ A1, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng. Thỏa thuận bù đất theo trình bày của nguyên đơn nêu trên và tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình kèm theo đơn khởi kiện là bản photo “Biên bản giải quyết và sơ đồ mảnh đất anh Hùng chị Thanh giao trả cho chị Giang” không được coi là chứng cứ để chứng minh giao dịch bù đất vì không phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra, nếu có sự thỏa thuận bù đất nêu trên giữa nguyên đơn và bị đơn thì cũng không thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 122, Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 168 và Điều 170 của Bộ luật Dân sự năm 2005 về thời điểm xác lập quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản kể từ thời điểm đăng ký và về căn cứ xác lập quyền sở hữu, cũng như Điều 46 của Luật Đất đai 2003 về đăng ký quyền sử dụng đất thì nguyên đơn chưa được xác lập quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích 22m<sup>2</sup> đất mà theo nguyên đơn trình bày là được bị đơn bù. Do đó, với các tài liệu chứng cứ nêu trên, không đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn . Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Về việc bị đơn đề nghị dừng việc xét xử do đã có đơn gửi đến cơ quan công an để làm rõ vụ việc vì bị đơn cho rằng nguồn gốc dẫn đến tranh chấp là vì nguyên đơn là người cho bị đơn vay nặng lãi. Vấn đề nêu trên đề nghị bị đơn liên hệ tới Cơ quan công an để được xem xét giải quyết. Vụ án này là tranh chấp dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án như đã phân tích tại phần [1] nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị của bị đơn dừng việc xét xử.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn phải nộp 12.320.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm với mức án phí có giá ngạch là chưa chính xác. Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 trong trường hợp này đương sự phải chịu án phí như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa phần về án phí của bản án dân sự sơ thẩm . Do bà Tạ Thị G là người cao tuổi nên căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 thì bà Tạ Thị G được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bị kháng cáo nên nguyên đơn là người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 122, Điều 124, Điều 168 và Điều 170 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 12, Điều 26, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Tạ Thị G. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng,

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị G về việc buộc ông Phạm Đình Hùng và bà Nguyễn Thị Thanh phải trả diện tích 22m<sup>2</sup> đất.

2. Về án phí:

Bà Tạ Thị G được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà Tạ Thị G số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014823 ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng và số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006184 ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Anh Sơn**

